

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

*“V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc.
Bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham phiên tòa bà Phạm Thị Thanh Trúc – KSV.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TTN H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 08 ADL, phường TS, Tp. P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh NB H – sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 08 ADL, phường TS, Tp. P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2021 bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị TTN H và anh NB H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai, ngày 16/11/2005. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu H phúc nhưng thời gian gần đây giữa anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh, chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và cuộc hôn nhân này không thể tiếp tục kéo dài. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh NB H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: NB H – sinh ngày 08/9/2006 và NT GH, sinh ngày 08/5/2011. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh NB H:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đối với anh NB H. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 27/5/2021 cháu NB H và NT GH đã khai, nếu ba mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ (TTN H).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm đối với nguyên đơn. Riêng bị đơn anh NB H Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án nhân dân thành phố P tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải. Vì vậy việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố P theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị TTN H và anh NB H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, ngày 16/11/2005, nên xác định đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Bị đơn anh NB H Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên họp hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tại phiên Tòa hôm nay anh H cũng vắng mặt. Như vậy có thể khẳng định anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình.

- Về con chung: Anh, chị có hai con chung là NB H – sinh ngày 08/9/2006 và NT GH, sinh ngày 08/5/2011. Tại bản tự khai ngày 27/5/2021 cháu H và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, phù hợp với yêu cầu của chị H được nuôi hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản riêng, chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Từ sự phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TTN H cho ly hôn giữa chị TTN H và anh NB H.

- Giao con chung là cháu NB H – sinh ngày 08/9/2006 và NT GH, sinh ngày 08/5/2011 cho chị H nuôi con. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí DSST: Tòa án buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị TTN H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh Gia Lai, giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, đối với bị đơn anh NB H có nơi cư trú tại 08 ADL, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị TTN H và anh NB H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai, ngày 16/11/2005. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu H phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian gần đây giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không H phúc, anh H thường xuyên uống rượu say sưa, đêm hôm về đập phá đồ đạc trong nhà gây tâm lý lo lắng bất an cho chị và các con, do đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh NB H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu ly hôn với anh H, Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh H đến Tòa án, nhưng anh H không đến để trình bày ý kiến và nguyên nhân mâu thuẫn để hòa giải đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ mà anh H có hộ khẩu thường trú, thường xuyên sinh sống để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H biết để đến tòa án và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh H vẫn không chấp hành, như vậy chứng tỏ rằng anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân của mình. Cho nên đến tại thời điểm này chị H xác định không còn tình cảm với nhau nữa, không còn muốn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, do đó mà mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị TTN H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H, xét yêu cầu này của chị H là chính đáng, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung là: NB H – sinh ngày 08/9/2006 và NT GH, sinh ngày 08/5/2011, ly hôn chị H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung.

Theo nguyện vọng của cháu H và cháu H cũng mong muốn được sống với mẹ. Như vậy yêu cầu của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu H nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên giao con chung là cháu NB H và NT GH cho chị H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh H có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TTN H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị TTN H và anh NB H.

- Về con chung: Giao con chung là: NB H – sinh ngày 08/9/2006 và NT GH, sinh ngày 08/5/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TTN H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012344 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia lai. Chị H đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 16/8/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA-DS TP.P;
- Các đương sự;
- UBND phường TS, TP.P;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký Trần Thị Tố Uyên